DS SV ĐỦ ĐK NHẬN BẰNG TN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY/CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG THÁNG 12/2014

STT	MSSV	HỌ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	XẾP LOẠI	NGÀNH HỌC	KHÓA/ĐỢT XÉT TN	GHI CHÚ
1	10421071	Huỳnh Ngọc Vũ	Nam	24/06/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
2	10520726	Trần Thị Khánh Mi	Nữ	18/08/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
3	10420760	Lâm Thị Kim Ngân	Nữ	02/12/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
4	10420909	Lương Thị Thu Thảo	Nữ	01/09/1992	Trung bình	QTKD	K4 D1	
5	10420836	Nguyễn Thị Trúc Phương	Nữ	29/09/1992	Trung bình	QTKD	K4 D1	
6	10420452	Phạm Thế Anh	Nam	30/06/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
7	10420031	Quách Tùng Chi	Nữ	23/05/1991	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
8	10420779	Lâm Thị Thu Nguyệt	Nữ	10/04/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
9	10420306	Ngô Thị Thắm	Nữ	17/08/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
10	10520339	Nguyễn Thị Oanh Thư	Nữ	20/04/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D1	
11	10520954	Ngô Thủy Tiên	Nữ	06/08/1992	Trung bình khá	KT	K4 D10	
12	10520622	Phú Thị Mỹ Hồng	Nữ	20/08/1992	Trung bình khá	KT	K4 D10	
13	10620195	Ôn Minh Mẫn	Nam	01/11/1992	Trung bình	THUD	K4 D10	
14	10520036	Bùi Nữ Công	Nữ	12/12/1992	Trung bình khá	KT	K4 D2	
15	10521069	Nguyễn Hồng Thùy Vinh	Nữ	08/05/1991	Trung bình khá	KT	K4 D2	
16	10520284	Huỳnh ái Quyên	Nữ	24/09/1992	Trung bình khá	KT	K4 D2	
17	10520852	Phan Duy Quang	Nam	21/01/1992	Trung bình khá	KT	K4 D2	
18	10521068	Mai Thị Vinh	Nữ	03/12/1991	Khá	KT	K4 D2	
19	10420898	Chu Tấn Thành	Nam	17/04/1991	Trung bình	QTKD	K4 D6	
20	10420881	Võ Hữu Tài	Nam	10/12/1992	Trung bình	QTKD	K4 D6	

DS SV ĐỦ ĐK NHẬN BẰNG TN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY/CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG THÁNG 12/2014

STT	MSSV	HỌ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	XẾP LOẠI	NGÀNH HỌC	KHÓA/ĐỢT XÉT TN	GHI CHÚ
21	10420094	Ngô Thị Hiền	Nữ	17/10/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D6	
22	10520160	Nguyễn Phương Linh	Nữ	28/08/1992	Trung bình khá	KT	K4 D6	
23	10120183	Huỳnh Dương Luận	Nam	16/04/1992	Trung bình khá	CNKT CK	K4 D6	
24	10620643	Võ Thanh Huy	Nam	24/04/1992	Trung bình khá	THUD	K4 D6	
25	10520063	Lê Thị Thúy Duyên	Nữ	02/07/1992	Trung bình	KT	K4 D7	
26	10520526	Nguyễn Thị Dưỡng	Nữ	25/03/1992	Trung bình khá	KT	K4 D8	
27	10520241	Mai Nguyễn Yến Nhi	Nữ	02/04/92	Trung bình khá	KT	K4 D9	
28	10520844	Lại Thị Phượng	Nữ	30/10/90	Trung bình khá	KT	K4 D9	
29	10320823	Nguyễn Văn Trường Phong	Nam	02/03/1992	Trung bình khá	CNKT Đ-ĐT	K4 D4	
30	10420386	Đặng Diễm Trinh	Nữ	18/08/1992	Trung bình	QTKD	K4 D4	
31	10420440	Lê Thị Ngọc Ân	Nữ	28/08/1991	Trung bình khá	QTKD	K4 D4	
32	10420517	Nguyễn Hà Phương Dung	Nữ	28/02/1992	Trung bình khá	QTKD	K4 D4	
33	10520319	Đoàn Thị Thu Thảo	Nữ	15/04/1992	Trung bình khá	KT	K4 D5	
34	11420111	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	19/10/1993	Trung bình khá	QTKD	K5 D1	
35	11420143	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	20/10/1993	Trung bình khá	QTKD	K5 D1	
36	11520352	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	20/06/1993	Trung bình khá	KT	K5 D1	
37	11520355	Phan Thị Kiều Vân	Nữ	29/05/1993	Trung bình khá	KT	K5 D1	
38	11420043	Trương Thị Thúy Hằng	Nữ	20/06/1993	Trung bình khá	QTKD	K5 D1	
39	11420099	Nguyễn Thị Thúy Diễm	Nữ	20/06/1993	Trung bình	QTKD	K5 D1	
40	11420154	Ngô Thị Ngọc Quyên	Nữ	24/02/1993	Trung bình khá	QTKD	K5 D1	

DS SV ĐỦ ĐK NHẬN BẰNG TN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY/CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG THÁNG 12/2014

STT	MSSV	HỌ TÊN	PHÁI	NGÀY SINH	XẾP LOẠI	NGÀNH HỌC	KHÓA/ĐỢT XÉT TN	GHI CHÚ
41	11520330	Trần Nguyễn Ngọc Kim Ngoan	Nữ	12/01/1993	Khá	KT	K5 D2	
42	11520263	Trần Thị Hường	Nữ	07/03/1993	Trung bình	KT	K5 D2	
43	11420055	Đỗ Thị Mai	Nữ	08/03/1993	Trung bình khá	QTKD	K5 D2	
44	11420101	Huỳnh Thị Diện	Nữ	28/05/1992	Trung bình	QTKD	K5 D2	
45	11420095	Trần Thị Bảo Châu	Nữ	01/10/1993	Trung bình	QTKD	K5 D2	
46	11720193	Huỳnh Đức Chánh	Nam	05/02/1992	Trung bình	TCNH	K5 D3	
47	11720204	Trần Thị Ngọc Huyền	Nữ	06/11/1992	Trung bình khá	TCNH	K5 D3	
48	11720236	Đoàn Thị Mỹ Thuận	Nữ	02/05/1989	Trung bình khá	TCNH	K5 D3	
49	11520296	Lê Thị Thúy Trinh	Nữ	18/05/1993	Trung bình khá	TCNH	K5 D3	
50	11640048	Nguyễn Đình Quang Duy	Nam	11/05/1987	Trung bình khá	THUD	LT K1 D2	
51	11640150	Nguyễn Thế Hiệp	Nam	13/03/1991	Khá	THUD	LT K2 D1	
52	11640168	Vũ Thị Yến Phượng	Nữ	15/09/1988	Khá	THUD	LT K2 D1	
53	11640179	Nguyễn Minh Thạnh	Nam	05/07/1988	Khá	THUD	LT K2 D1	
54	11640180	Biện Thị Kim Ti	Nữ	28/04/1990	Trung bình khá	THUD	LT K2 D1	
55	12540168	Nguyễn Hữu Hoàng Duy	Nam	26/06/1985	Khá	KT	LT K5 D1	
56	12540180	Huỳnh Ngọc Sơn	Nam	02/03/1983	Khá	KT	LT K5 D1	

TỔNG SỐ 56 SINH VIÊN.